

Bản án: 41/2018/HS-ST
Ngày: 26/ 7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Minh Tiến;
2. Ông Hoàng Văn Thạch.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thúy Quỳnh, Thư ký viên Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Âu Như Quỳnh, Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 26/7/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2018/HSST ngày 01/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-HS ngày 12/7/2018 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 22/6/1991 tại huyện B, tỉnh H. Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Hoàng Văn H, sinh năm 1948 và bà: Bùi Thị Đ, sinh năm 1963; anh, chị, em ruột: Gia đình bị cáo có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ: Lê Thị X – Sinh năm 1994 (Đã ly hôn) và con: Có 01con sinh năm 2013; tiền án: 01 tiền án, ngày 24/9/2015 bị TAND huyện Q xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 14/2015/HSST; tiền sự: 01 tiền sự, ngày 14/9/2017, bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại tài sản của người khác với mức phạt là 3.500.000đ.

Bị cáo bị bắt ngày 12/12/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt.

2. Hoàng Văn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 15/4/1986 tại huyện Y, tỉnh H. Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo:

Không; con ông: Hoàng Dung S (đã chết) và bà: Vàng Thị C, sinh năm 1956 anh, chị, em ruột: Gia đình bị cáo có 3 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; có vợ: Lưu Thị L, sinh năm 1988, có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 14/12/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Việt Hà, Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hà Giang bào chữa cho Hoàng Văn T. Có mặt.

- *Người bị hại:*

1. Ông Lý Chiêm C; Sinh năm 1965. Trú tại: Thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T; Sinh năm 1986. Trú tại: Thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3. Ông Lý Kim V; Sinh năm 1964. Trú tại: Thôn S, thị trấn V, huyện B tỉnh Hà Giang. Có mặt.

4. Bà Lý Thị L; Sinh năm 1977. Trú tại: Thôn S, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người có nghĩa vụ vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị Đ; Sinh năm 1987. Trú tại: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

2. Bà Lưu Thị L; Sinh năm 1988. Trú tại: Thôn L, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nông Đức Q. Có mặt.

2. Ông Nông Quang C. Có mặt.

3. Ông Châu Văn H. Vắng mặt.

4. Ông Mừng Thìn M. Vắng mặt.

5. Ông Vì Thế K. Vắng mặt.

6. Ông Vì Văn N. Có mặt.

7. Ông Hà Văn H. Có mặt.

8. Ông Trần Văn Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thời gian vào khoảng cuối tháng 10/2017, Hoàng Văn H, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang nhìn thấy số điện thoại trên cánh cửa xe ô tô tải của anh Trần Văn Q, sinh năm 1984, trú tại xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, H gọi điện cho anh Q hỏi “*có mua trâu không*”, anh Q trả lời “*không mua*” và cho H số điện thoại của Hoàng Văn T, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang để Hoàng Văn H và Hoàng Văn T trao đổi mua bán trâu với nhau. Thời gian từ đầu tháng 11 đến giữa tháng 12 năm 2017, H, T thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản (trâu). Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 09/11/2017 Hoàng Văn H gọi điện thoại cho Hoàng Văn T hỏi Toàn: “*có mua trâu không?*”, Toàn trả lời H là: “*không mua*” sau đó H tiếp tục gọi đề nhờ T tìm người mua trâu hộ và được T đồng ý. H nói rõ với T là H sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (*trâu*) tại thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang để vận chuyển đến khu vực biên giới Việt Nam – Trung Quốc (*thuộc khu vực xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang*) để tiêu thụ. H và T thống nhất với nhau, Hòa có trách nhiệm tìm trâu để trộm rồi vận chuyển lên xã B, huyện Y, còn T có trách nhiệm tìm người tiêu thụ. T đến chợ Mốc 9, gặp Seo Ma (*là người Trung Quốc, không biết địa chỉ cụ thể*) và đặt vấn đề bán trâu cho Seo Ma được Seo Ma đồng ý mua trâu.

Khoảng 15 giờ, ngày 10/11/2017 H đi từ nhà trọ tại tổ 11, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, đến khu vực Thác Thúy thuộc thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, tìm trâu để trộm. Đến khoảng 17 giờ, H thấy 03 con trâu của gia đình ông Lý Chiêm C, sinh năm 1965, trú tại thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, đang ăn cỏ (*trong đó: 01 con trâu cái 08 năm tuổi, lông màu đen trị giá 22.000.000^d, 01 con 05 năm tuổi, lông màu đen trị giá 18.000.000^d và 01 con trâu nghé cái nhỏ trị giá 8.000.000^d theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B ngày 21/12/2017*). H dắt hai con trâu to buộc vào gốc cây trong bãi đất trống, con trâu nghé nhỏ tự đi theo sau. H tiếp tục đi theo đường lên phía trên sườn đồi thấy 01 con trâu đực 03 năm tuổi, lông màu đen (*trị giá 15.000.000^d*) của gia đình anh Lý Chiêm H đang ăn cỏ, H dắt đến buộc vào chỗ buộc hai con trước đó. Sau khi trộm được 04 con trâu H đi mua dây về buộc lại trâu cho chắc rồi gọi điện thoại báo cho T thông báo là đã trộm được trâu hẹn đến tối sẽ vận chuyển đi B và bảo T tìm người mua trâu. Sau đó H gọi điện thoại cho anh Nông Đức Q, sinh năm 1977, trú tại thôn M, xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang, thuê chở trâu cho H đi xã B, với giá là 3.500.000^d (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) được anh Q đồng ý.

Đến 19 giờ 20 phút cùng ngày, anh Nông Đức Q và con trai là Nông Quang C, sinh năm 1999 điều khiển xe ô tô mang biển kiểm soát 23C- 029.15 đến đón H ở ngã ba P, thị trấn V, huyện B theo chỉ dẫn của H, anh Q điều khiển xe đến khu vực T, thuộc thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, thấy 03 con trâu đã buộc ở gốc cây cạnh đường và 01 con trâu nghé không buộc dây, hai bố con anh Q giúp H đuổi, dắt 04 con trâu lên thùng xe, sau đó điều khiển xe đi theo đường Quốc lộ 2, đến xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang để tiêu thụ. Trên đường đi H và T gọi điện trao đổi thống nhất với nhau, khi gần đến ngã ba B, H gọi điện đề T. T điều khiển xe ô tô của T (*loại xe chở hàng 1,4 tấn, nhãn hiệu KIA màu sơn xanh, BKS 23C – 037.58*) cùng Mừng Thìn M, sinh năm 1998, trú tại thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang (*T thuê M đi cùng để dắt trâu*). Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 11/11/2017, xe chở trâu của H đi đến ngã ba B, T điều khiển xe ô tô của T đi

trước dẫn đường cho xe chở trâu đi theo sau. Đến đoạn đường rẽ vào thôn C, xã B, T ra hiệu với xe đi sau và nói với H cho trâu xuống xe tại địa điểm này, do H không có tiền nên T trả tiền thuê vận chuyển 3.500.000^d (*ba triệu năm trăm ngàn đồng*) cho anh Q (theo thỏa thuận giữa H và T). Sau khi nhận tiền hai bố con anh Q về huyện B, còn T, M và H mỗi người dắt 01 con trâu, con nghé tự đi theo sau, tất cả đi theo đường mòn thuộc thôn Đ, đến khu vực biên giới (*giữa mốc 357 và mốc 358*) bán cho Seo Ma (Người Trung Quốc, không rõ họ, địa chỉ) cả 04 con trâu với giá 47.000.000^d (*Bốn mươi bảy triệu đồng*). Seo Ma nhận trâu nhưng chưa có tiền trả ngay mà hẹn khoảng một tuần sau trả tiền. Sau khi giao trâu cho Seo Ma, T và H đã quay về nhà T nghỉ. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 11/11/2017 H bảo T vay ở đâu để đưa trước cho H số tiền 20.000.000^d (*Hai mươi triệu đồng*) để H đi về huyện B. Ngay lúc đó T không có đủ tiền nên đã gọi điện hỏi vay tiền của chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang (*là chị dâu họ của T*) số tiền 12.000.000^d (*Mười hai triệu đồng*) cùng với T có 7.000.000^d (*Bảy triệu đồng*), tổng cộng là 19.000.000^d (*Mười chín triệu đồng*), T đưa tiền cho H ngay tại bàn uống nước nhà chị Hoàng Thị Đ và chị Đ được chứng kiến việc giao tiền giữa T và H. Đến ngày 17/11/2017, H đi xe khách lên huyện Y, đến chợ Mốc 9, xã B tìm T, T đưa cho H thêm được 6.000.000^d (*sáu triệu đồng*). Đến cuối tháng 11/2017, H đi lên xã B để gặp T lấy tiếp tiền bán trâu thì đúng lúc T đang chuẩn bị đi từ xã B, huyện Y, Hà Giang đi tỉnh Tuyên Quang để chở hàng, H lên xe T cùng đi từ xã B, đến địa phận P thị trấn, huyện B, tỉnh Hà Giang, theo thỏa thuận T đã đưa tiếp cho H số tiền là 4.000.000^d (*bốn triệu đồng*) rồi H xuống xe đi về, còn T tiếp tục đi Tuyên Quang. Tổng số tiền bán trâu được 47.000.000^d, H được 29.000.000^d (*Hai mươi chín triệu đồng*), T được 14.000.000^d (*Mười bốn triệu đồng*), trước đó T bỏ ra trả tiền thuê xe ô tô 3.500.000^d (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), trả công cho người dắt trâu cho Mừng Thìn M 500.000^d (*Năm trăm nghìn đồng*). Số tiền trên H và T đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Lần thứ hai : Khoảng 16 giờ ngày 10/12/2017 Hoàng Văn H đi từ nhà trọ khu vực P, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang đến thôn S, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, tại đây H phát hiện hai chuồng trâu ở sát nhau có trâu ở trong chuồng của gia đình ông Lý Kim V, sinh năm 1964 và gia đình bà Lý Thị L, sinh năm 1977, cùng trú tại thôn S thị trấn V, tỉnh Hà Giang. H nấp trong bụi đợi đến khoảng 20 giờ cùng ngày quan sát thấy không có người qua lại H đi vào hai chuồng trâu cởi dây buộc trâu, lấy được 06 con trâu, trong đó: 02 con trâu của nhà ông Lý Kim V (*01 con trâu cái 06 năm tuổi lông màu đen trị giá 22.000.000^d; 01 con trâu đực 18 tháng tuổi lông màu đen trị giá 10.000.000^d*) ; 04 con trâu của gia đình bà Lý Thị L, trong đó: (*01 con trâu cái 07 năm tuổi lông màu đen trị giá 18.000.000^d; 01 con trâu cái 05 năm tuổi lông màu đen trị giá 17 triệu đồng; 01 con trâu đực 17 tháng tuổi lông màu đen trị giá 11.000.000^d; 01 con trâu đực 07 tháng tuổi lông màu đen trị giá 6.000.000^d*).

Sau khi trộm được trâu H gọi điện cho T và nói tối nay sẽ chở trâu lên xã B để cho T bán, T đồng ý, sau đó H đuổi 06 con trâu trộm cắp được đến khu vực bãi rác thuộc thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang và buộc trâu tại đó rồi liên hệ tìm xe chở trâu. Do H không tìm được xe chở trâu nên đã gọi điện thoại cho T nhờ tìm xe để thuê chở trâu, T gọi điện thoại cho anh Hà Văn H, sinh năm 1989, trú tại xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang, thuê H chở trâu nhưng do xe đang có hàng H không chở được, H gọi điện cho anh Châu

Văn H, sinh năm 1988, trú tại xã B, huyện V, tỉnh Hà Giang đi chở trâu thuê cho H. Sau khi liên hệ được với anh Châu Văn H, H gọi điện dẫn đường cho anh H đến nơi tập kết trâu tại khu vực bãi rác thuộc thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. H đã dắt được 05 con trâu lên thùng xe buộc dây lại còn một con đang đuổi lên xe thì có hai bố con anh Vì Văn N và Vì Thế K, cùng trú tại thôn T, thị trấn V, tỉnh Hà Giang, do nghĩ là xe đồ rác nên đi xe máy đến hỏi, H lo sợ bị phát hiện nên đã tắt điện thoại bỏ đi, anh Châu Văn H cứ nghĩ H đi vệ sinh nên đợi H một lúc không thấy quay lại, gọi điện cho H không được, lo sợ đêm hôm một mình lái xe sợ bị cướp nên anh H đuổi hết trâu xuống xe và đi về nhà tại xã B, huyện V. Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã đến hiện trường thu giữ được 06 con trâu và đã giao lại cho hai gia đình bị hại quản lý.

Ngày 18/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số: 02 đến Hội đồng định giá tài sản huyện B để xác định tổng giá trị thiệt hại của 10 (mười) con trâu do Hoàng Văn H và Hoàng Văn T trộm cắp ngày 10/11/2017 và ngày 10/12/2017.

Ngày 21/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định: Tổng giá trị các tài sản được định giá của cả hai vụ là: 147.000.000^d (Một trăm bốn mươi bảy triệu đồng). Trong đó:

Giá trị thiệt hại của vụ trộm trâu lần thứ nhất (Gồm 04 con trâu) đã tiêu thụ được trị giá: 63.000.000^d (Sáu mươi ba triệu đồng). Giá trị thiệt hại của vụ trộm trâu lần thứ hai (Gồm 06 con trâu) chưa kịp tiêu thụ trị giá 84.000.000^d (Tám mươi tư triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố: Bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang sau khi phân tích về tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã Kết luận: Tối ngày 10/11/2017 và tối ngày 10/12/2017 Hoàng Văn H sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang cùng Hoàng Văn T, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (10 con trâu) của bốn gia đình bị hại: Nguyễn Thị T; Lý Chiêm C, Lý Thị L và Lý Kim V thuộc thôn T và thôn S, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Trị giá tài sản (10 con trâu) là 147.000.000^d. Trong đó H và T đã đem đi tiêu thụ (Bán cho người Trung Quốc được 04 con trâu trị giá là 63.000.000^d, còn 06 con trâu H, T thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 10/12/2017 có tổng trị giá là 84.000.000^d, trong lúc đang vận chuyển đi tiêu thụ thì bị quần chúng nhân dân phát hiện, Cơ quan điều tra đã thu giữ được và đã trả lại cho chủ sở hữu.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản..

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 03 đến 04 năm tù. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138,

điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 07 tháng đến 08 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn T phải liên đới bồi thường cho các bị hại Nguyễn Thị T, Lý Chiêm C số tiền 63.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 2 chiếc điện thoại có kèm sim, 3 chiếc quần và 5 chiếc áo vì không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T: Nhất trí về tội danh và khung khoản truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo T từ 6 tháng đến 8 tháng tù.

Các bị hại Lý Chiêm C và Nguyễn Thị T đề nghị: Về trách nhiệm hình sự xử lý phạt bị cáo Hoàng Văn H mức hình phạt cao nhất; xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hoàng Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị các bị cáo bồi thường theo kết luận định giá tài sản, trong đó bị hại Lý Chiêm C là 48 triệu đồng, bị hại Nguyễn Thị T là 15 triệu đồng.

Các bị hại Lý Kim V và Lý Thị L đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật. Các bị hại đã được trả lại tài sản nên không có đề nghị bồi thường về dân sự.

Người có quyền lợi liên quan Lưu Thị L trình bày: Bà là vợ của bị cáo Hoàng Văn T, quá trình bị cáo T phạm tội không trao đổi cũng như không đưa cho bà khoản tiền nào từ việc phạm tội và bà cũng không biết việc T thực hiện hành vi phạm tội mua bán trâu trộm cắp. Quá trình điều tra bị cáo T đã tác động đến bà và đề nghị bà khắc phục thay cho bị cáo T số tiền 31.500.000đ. Đây là tiền chung của hai vợ chồng nên bà không yêu cầu bị cáo T phải trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình theo như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo thống

nhất, phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, bị cáo H từ bút lục 221 đến 271; bị cáo T từ bút lục 272 đến 334, phù hợp với lời khai của các bị hại từ bút lục 487 đến 522; lời khai người làm chứng từ bút lục (527-583); Biên bản sự việc ngày 12/11/2017 (BL01,02); biên bản sự việc ngày 11/12/2017 (BL 03, 04); Biên bản xác định đặc điểm giá trị trâu (BL 08 - 13); Biên bản định giá tài sản (BL 15, 16), Kết luận định giá (BL 17, 18) với tổng giá trị tài sản là 147 triệu đồng; Biên bản khám nghiệm hiện trường (BL 23, 24); sơ đồ hiện trường BL25; bản ảnh hiện trường (BL 26->34); biên bản khám nghiệm hiện trường nơi phát hiện 6 con trâu (BL 35->41). Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Tối ngày 10/11/2017 và tối ngày 10/12/2017 bị cáo Hoàng Văn H cùng bị cáo Hoàng Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (10 con trâu) của bốn gia đình bị hại: Nguyễn Thị T; Lý Chiêm C, Lý Thị L và Lý Kim V thuộc thôn T và thôn S, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Trị giá tài sản (10 con trâu) là 147.000.000^d (*Một trăm bốn mươi bảy triệu đồng*).

Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp trâu của mình là trái pháp luật, nguy hiểm cho xã hội. Nhưng vì muốn có tiền để chi tiêu cá nhân, các bị cáo bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo H, T đủ căn cứ cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3]. Về tình tiết định khung: Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định: Tổng giá trị tài sản của hai vụ trộm cắp tài sản là 147.000.000đ (*Một trăm bốn mươi bảy triệu đồng*). Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố: Bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn T về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 có khung hình phạt từ hai năm đến 7 năm là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[4]. Về tính chất vụ án: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ mục đích phạm tội là để có tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi các bị cáo gây án. Hành vi của các bị cáo cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do các bị cáo gây ra.

[5]. Về vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo Hoàng Văn H giữ vai trò chủ mưu, rủ rê, lôi kéo bị cáo Hoàng Văn T phạm tội và H là người trực tiếp 2 lần thực hiện hành vi trộm cắp trâu, vận chuyển trâu từ địa bàn thị trấn V, huyện B lên xã B huyện Y để bị cáo T đi bán. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo có 1 tiền án về tội trộm cắp tài sản, 01 tiền sự về hành vi hủy hoại tài sản của người khác; bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân, tu trí làm ăn lương thiện mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản; do đó bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Xét thấy, cần xử lý bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc tương

xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây nên, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành công dân lương thiện và có ích cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, cần áp dụng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo Hoàng Văn T: Giữ vai trò là đồng phạm giúp sức, bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nhưng khi được H đặt vấn đề bán trâu trộm cắp, T đã đồng ý và giúp sức cho H trong việc tìm xe vận chuyển trâu là tài sản trộm cắp để đi tiêu thụ, trực tiếp liên lạc với đối tượng Seo Ma (Người Trung Quốc) để trao đổi, thỏa thuận về giá cả bán trâu; vì vậy, cần xử lý bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây nên. Song, quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; tại giai đoạn điều tra bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho các gia đình bị hại và đã giao nộp số tiền 31.500.000đ cho cơ quan điều tra tương đương bằng 1/2 giá trị tài sản bị thiệt hại; bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc, sống ở vùng sâu, vùng xa, khó khăn; tại phiên tòa các bị hại C, T đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; là các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; trong quá trình tạm giam từ ngày 14/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 07 tháng 12 ngày cũng đủ thời gian để bị cáo nhận thấy lỗi lầm, hối hận về hành vi phạm tội và bị cáo xin hứa quyết tâm sửa chữa lỗi lầm của mình. Xét thấy, bị cáo Toàn có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 46 BLHS; vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và bằng thời gian tạm giam để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà trở về địa phương để tu dưỡng rèn luyện bản thân tự cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, khi lượng hình cần áp dụng Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 để đánh giá vai trò thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh gia đình của các bị cáo khó khăn, các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường số tiền 63.000.000đ cho các bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo Hoàng Văn H đang bị tạm giam, nên cần áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị cáo Hoàng Văn T bị xử phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam, nên áp dụng khoản 5 Điều 328 BLTTHS năm 2015, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Hoàng Văn T nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình phạm tội, bị cáo Hoàng Văn H được hưởng lợi từ việc phạm tội là 29.000.000đ, bị cáo Hoàng Văn T được hưởng lợi là

14.000.000đ. Số tiền các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường là 63.000.000đ . Như vậy, khi bồi thường bị cáo H phải chịu trách nhiệm 2/3 giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt và gây thiệt hại; bị cáo T phải chịu trách nhiệm 1/3 giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt và gây thiệt hại.

Căn cứ Điều 587, 589 Bộ luật dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 15.000.000đ, trong đó bị cáo H phải chịu 10.000.000đ, bị cáo T phải chịu 5.000.000đ. Bồi thường cho ông Lý Chiêm C số tiền 48.000.000đ trong đó bị cáo H phải bồi thường 32.000.000đ, bị cáo T phải bồi thường 16.000.000đ.

Trả lại cho bị cáo T số tiền còn lại là 31.500.000đ - (5.000.000đ + 16.000.000đ) = 10.500.000đ theo giấy ủy nhiệm chi ngày 04/6/2018. Số tiền này sẽ được trả lại cho bà Lưu Thị L là vợ của bị cáo Hoàng Văn T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị Đ cho bị cáo T vay 12.000.000đ để trả trước cho H. Bà Đ đã nhận lại được số tiền nên không có đề nghị gì. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi liên quan Lương Thị L đã tự nguyện khắc phục thay cho bị cáo T số tiền 31.500.000đ. Đây là tiền chung của hai vợ chồng nên bà không yêu cầu bị cáo T phải trả lại. Nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[7]. Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra thu giữ 02 điện thoại có kèm sim, 3 chiếc quần và 5 chiếc áo. Xét thấy, đây là vật chứng liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy 02 điện thoại có kèm sim, 3 chiếc quần và 5 chiếc áo vì không còn giá trị sử dụng theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự và áp dụng Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Hoàng Văn H và Hoàng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Bị cáo T đã tự nguyện nộp tiền bồi thường trước khi mở phiên tòa nên không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

[9]. Đối với Seo Ma, (người Trung Quốc không biết địa chỉ) mua 04 con trâu của các bị cáo Hoàng Văn H và Hoàng Văn T, theo lời khai của các bị cáo, khi mua bán trâu Seo Ma không biết tài sản đó do trộm cắp mà có, nên không có căn cứ xác định Seo Ma có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cơ quan CSĐT (PC44) Công an tỉnh Hà Giang, đã xây dựng Hàm thư gửi Cục Công an Châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, phối hợp xác minh thông tin của Seo Ma (*nhưng do không rõ địa chỉ của Seo Ma*) nên đến nay phía Cục Công an Châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam Trung Quốc chưa có phúc đáp. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[10]. Đối với Nông Đức Q, Nông Quang C, Mừng Thìn M, Châu Văn H và Hà Văn H, là những người được các bị cáo T, H thuê đất trâu và chở trâu, tất cả các anh Q, C, M, H và Hà Văn H đều không biết đó là trâu do H và T trộm cắp nên Cơ quan Công an không đề cập xử lý hình sự đối với Nông Đức Q, Nông Quang C, Mừng Thìn M Hà Văn H, Châu Văn H là có căn cứ. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

[2]. Hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn H** 04 (Bốn) năm tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** 07 tháng 12 ngày tù. Được khấu trừ thời gian tạm giam kể từ ngày 14/12/2017.

[3]. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 587, 589 Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại số tiền 63.000.000đ trong đó:

- Buộc bị cáo **Hoàng Văn H** bồi thường cho bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986, trú tại: Thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Bồi thường cho ông **Lý Chiêm C**, sinh năm 1965, trú tại: Thôn S, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền 32.000.000đ (*Ba hai triệu đồng*).

- Buộc bị cáo **Hoàng Văn T** bồi thường cho bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986, trú tại: Thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Bồi thường cho ông **Lý Chiêm C**, sinh năm 1965, trú tại: Thôn S, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*) được khấu trừ vào ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 04/6/2018 tại tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang số tiền 31.500.000đ.

- Trả lại cho bà **Lưu Thị L**, sinh năm 1988, trú tại: Thôn L, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang số tiền 10.500.000đ (*Mười triệu năm trăm ngàn đồng*) theo ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 04/6/2018 tại tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang số tiền 31.500.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[4]. Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tịch thu tiêu hủy 2 chiếc điện thoại di động kèm theo sim, 3 chiếc quần và 5 chiếc áo vì không còn giá trị sử dụng.

Tình trạng đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an tỉnh và cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang ngày 05/6/2018.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự và áp dụng Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Hoàng Văn H** phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch. Buộc bị cáo **Hoàng Văn T** phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
- PV 27; PC44;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Loan